

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 687/TTr-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2021 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre năm 2021 với tổng mức kinh phí là: 6.930.000.000 đồng (sáu tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng), (có Phụ lục dự toán kinh phí hoạt động kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả dự toán được giao. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

PHỤ LỤC

Dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021
*(Kèm theo Nghị quyết số 59 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm 2021
1	Hoạt động phí cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	442.800.000
2	Tiền công đại biểu không hưởng lương tham gia kỳ họp	900.000
3	Phụ cấp kiêm nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, phụ cấp làm thêm giờ	117.900.000
4	Khai thác thông tin, báo chí	223.200.000
5	Hoạt động tiếp xúc cử tri, tham gia khảo sát và giám sát, chi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	1.028.700.000
6	Công tác phí, thuê phương tiện công tác	189.900.000
7	Nhuận bút Trang Thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh	151.200.000
8	Truyền hình trực tiếp kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chuyên mục "Cử tri với chính quyền"	621.000.000
9	Kinh phí phục vụ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì hoặc được mời tham dự; hội nghị tổng kết nhiệm kỳ	963.900.000
10	Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị, sửa chữa phương tiện, tài sản phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	719.100.000
11	Nhiên liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh	648.000.000
12	Nâng cấp Trang Thông tin điện tử Hội đồng nhân dân	117.000.000
13	Hội nghị tập huấn đại biểu Hội đồng nhân dân	94.500.000
14	Quà tặng cuối nhiệm kỳ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX	425.700.000
15	Xây dựng kỹ yếu Hội đồng nhân dân tỉnh	

		20.700.000
16	Bảo trì và sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh	135.000.000
17	Chi phí khác (cước đường bộ, phí và lệ phí ,quà tặng các đoàn đến và đoàn đi học tập trao đổi kinh nghiệm, tiếp khách, thăm gia đình chính sách, thăm bệnh,...)	1.030.500.000
	Cộng:	6.930.000.000

(Số tiền bằng chữ: sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn)/.